



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011



Mục lục

1. Tóm lược lịch sử hoạt động của công ty	2 - 5
2. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	6 - 7
3. Báo cáo của Ban Giám đốc	8 - 15
4. Báo cáo Tài chính	16 - 56
5. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán	57
6. Các công ty con và công ty liên quan	58
7. Tổ chức và nhân sự của công ty	59 - 61
8. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty....	62 - 69
9. Các thông tin khác	70 - 71

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT
(MCK: IJC)**

1. TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY, MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Trụ sở chính:

Tầng 5, Tòa nhà Becamex Tower, Số 230 Đại lộ Bình Dương, P.Phú Hòa,
TX.TDM, Bình Dương

Điện thoại : (84.650) 3848789
Fax : (84.650) 3848678
Website : www.becamexijc.com
Email : info@becamexijc.com
Vốn điều lệ : 2.741.945.250.000 đồng
Niêm yết lần đầu : 19/04/2010

BECA
MEXIJC

BECA
MEXIJC



• Tóm lược về công ty

2006

Ủy Ban Nhân dân tỉnh Bình Dương ra Quyết định số 3736/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Dự án Quốc lộ 13 thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp.

2007

Ủy Ban Nhân dân tỉnh Bình Dương ra Quyết định số 1131/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chuyển Dự án Quốc lộ 13 trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex IDC Corp) thành Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật.

Được Sở Kế hoạch Bình Dương cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với số vốn điều lệ 337,47 tỷ đồng.

2008

Tăng vốn điều lệ từ 337,47 tỷ đồng lên 548,389 tỷ đồng.

Sở xây dựng tỉnh Bình Dương công nhận đủ điều kiện hoạt động sàn giao dịch Bất động sản.

2009

Công ty được UBCKNN công nhận là công ty đại chúng.

Được tổ chức Bureau Veritas (Anh) cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

2010

Cổ phiếu của Công ty được chính thức được niêm yết trên sàn HOSE với vốn điều lệ là 548,389 tỷ đồng.

Thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật tại thành phố HCM. 10/01/2011 Thành lập sàn giao dịch bất động sản Công ty Cổ phần Phát triển – Chi nhánh Tp.HCM.

2011

Thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật tại thành phố Hà Nội.

Tăng vốn điều lệ từ 548,389 tỷ đồng lên 2.741 tỷ đồng.

Chính thức đưa vào giao dịch 219.355.620 cổ phiếu phát hành thêm trên sàn HOSE.

Nhận được bằng khen của UBND Tỉnh Bình Dương khen thưởng doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu.

• Quá trình phát triển

Ngành nghề kinh doanh:

Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông;

Xây dựng dân dụng và công nghiệp;

Xây dựng công trình giao thông;

Thi công điện dân dụng và công nghiệp;

Tư vấn các công trình dân dụng, công cộng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng. Tư vấn và lập quy hoạch chi tiết, tổng dự toán, lập, thẩm định dự án đầu tư các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông...

Hoạt động kinh doanh chính của Becamex IJC là quản lý và khai thác thu phí giao thông trên Đại lộ Bình Dương (QL.13) và đầu tư kinh doanh bất động sản. IJC hiện đang sở hữu một số dự án có tiềm năng tại Bình Dương như: Biệt thự Sunflower, chung cư cao cấp IJC Aroma, Green River City, Becamex City Center và Khu phố thương mại Đông đô Đại phố.....và hiện đang vận hành khai thác QL.13 đem lại doanh thu và lợi nhuận ổn định cho Công ty hàng năm.



- **Mục tiêu và chiến lược phát triển**



Tiếp tục phát huy thế mạnh của hoạt động thu phí giao thông: Được biết đến là doanh nghiệp có năng lực, nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực khai thác và quản lý khai thác thu phí giao thông. Trong thời gian tới, Công ty sẽ xem xét việc tham gia đấu thầu chuyển nhượng quyền khai thác quản lý và thu phí giao thông đối với các tuyến đường trọng điểm của tỉnh đang và sẽ được triển khai xây dựng. Bên cạnh đó, công ty tiếp tục tham gia tìm kiếm và nghiên cứu các cơ hội đầu tư trực tiếp vào các dự án BOT các tuyến đường giao thông trọng điểm trong và ngoài tỉnh Bình Dương.

Phát triển dài hạn lĩnh vực kinh doanh bất động sản tại Bình Dương: Trong dài hạn ngành kinh doanh bất động sản vẫn là kênh đầu tư hấp dẫn, Bình Dương vẫn được đánh giá là tỉnh có triển vọng phát triển tốt cho lĩnh vực này dựa trên các yếu tố như hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ, GDP tăng đều qua các năm, đầu tư nước ngoài tăng cao, sự hình thành của thành phố mới Bình Dương và các đô thị vệ tinh, sự chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế sang lĩnh vực dịch vụ và sự phát triển vượt bậc của lĩnh vực giáo dục, y tế....., những yếu tố trên sẽ là tiềm năng và cơ hội kinh doanh rất tốt cho các dự án của Công ty trong dài hạn.

Ngoài hai lĩnh vực truyền thống nêu trên, trong các năm tới công ty sẽ nghiên cứu đầu tư vào các dự án phát triển các khu công nghiệp gắn với phát triển đô thị tại các huyện phía Bắc của tỉnh Bình Dương và các huyện giáp ranh của tỉnh Bình Phước.

2. BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Năm 2011 trôi qua, kinh tế Việt Nam với những khó khăn về lạm phát tăng cao đã chịu nhiều sức ép của những bất ổn vĩ mô, phần lớn các doanh nghiệp đều gặp khó khăn do chi phí đầu tư tăng cao, thiếu vốn sản xuất trong khi lãi suất tăng cao bởi chính sách thắt chặt tiền tệ để kiềm chế lạm phát. Việc chính phủ ban hành Nghị quyết 11 lạm phát có xu hướng giảm nhưng vẫn ở mức cao; lãi suất có giảm nhưng vẫn chưa được như kỳ vọng của nhiều doanh nghiệp, và đó cũng là khó khăn chung của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật trong năm qua. Tuy nhiên, bằng tất cả những nỗ lực của tập thể HĐQT, Ban điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty đã phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ và đạt được một số kết quả như sau:

Lợi nhuận sau thuế đạt 318 tỷ đồng tăng 2,6% so với kế hoạch, dự kiến tỷ lệ chia cổ tức là 11%/Vốn điều lệ tương ứng với số tiền chi trả là 302 tỷ đồng.

Thực hiện thành công việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 548,38 tỷ đồng lên 2.741 tỷ đồng và chính thức đưa 219.355.520 cổ phiếu phát hành thêm vào giao dịch trên sàn HOSE vào ngày 06/05/2011.

Thông qua quyết định hợp tác đầu tư dự án Khu phố Thương mại Prince Town tọa lạc tại Tp. mới Bình Dương, dự án có tổng diện tích 2,2ha với tổng vốn đầu tư là 484 tỷ đồng, thời gian thực hiện 2012-2014.

Thông qua việc bổ nhiệm Ông Quảng Văn Viết Cương – Phó Chủ tịch HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT thay cho Ông Trịnh Phước Hiệp – Chủ tịch HĐQT đã có đơn xin từ nhiệm kể từ ngày 29/06/2011.

Xây dựng, thực hiện rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của HĐQT, báo cáo kịp thời tình hình quản trị Công ty trước HĐQT.

Định kỳ hàng quý tổ chức các cuộc họp HĐQT kiểm tra đánh giá tình hình triển khai chiến lược hoạt động và các kế hoạch kinh doanh của Công ty.

Tổ chức thực hiện xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc điều chỉnh giảm kế hoạch kinh doanh năm 2011 khi HĐQT nhận định rằng thị trường bất động sản đang gặp nhiều khó khăn như: lãi suất tăng cao, hạn mức tín dụng thu hẹp, đầu ra sản phẩm giảm...

Phê duyệt kế hoạch hoạt động và kế hoạch ngân sách cho năm tài chính 2012.

Hỗ trợ cho Ban điều hành về các vấn đề trọng yếu ảnh hưởng đến Công ty.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý:

Nhìn chung trong năm qua, Ban điều hành và các cán bộ quản lý đã nỗ lực không ngừng để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, HĐQT thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ với Ban Tổng giám đốc nhằm đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và có giải pháp phù hợp để hạn chế rủi ro và ổn định tình hình kinh doanh, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc về các giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh, mở rộng tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào các lĩnh vực hoạt động khác.

Chú trọng công tác quan hệ nhà đầu tư (IR), trong năm qua đại diện IJC đã tổ chức các cuộc gặp gỡ và tìm hiểu cơ hội đầu tư với các định chế tài chính là: Công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán, ngân hàng và các định chế tài chính khác.

Bước sang năm 2012, với một số chỉ tiêu được Chính phủ đề ra như: tốc độ tăng trưởng GDP từ 6-6,5%, chỉ số giá tiêu dùng tăng dưới 10%..., mục tiêu tổng quát được chính phủ đưa ra là ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng ở mức hợp lý. Trên thực tế, nhu cầu đầu tư bất động sản phụ thuộc chặt chẽ vào tốc độ tăng trưởng kinh tế. Chính vì bất ổn kinh tế còn khả năng kéo dài, mục tiêu hoạt động của IJC cho năm 2012 HĐQT sẽ không tính đến tỷ lệ tăng trưởng cho doanh thu và lợi nhuận mà hướng đến việc phát triển IJC theo hướng ổn định và bền vững cụ thể như sau: Với mục tiêu chia cổ tức là 12% cho năm 2012, doanh thu, lợi nhuận sau thuế lần lượt tăng so với năm 2011 là 12% và 14%, để đạt được kết quả đề ra trong bối cảnh hiện nay Công ty đã đề ra định hướng hoạt động như sau:

- Xác định hoạt động kinh doanh bất động sản và khai thác quản lý thu phí QL.13 sẽ tiếp tục là hai mảng hoạt động chính của Công ty trong năm 2012.
- Với mảng hoạt động thu phí: Với hy vọng doanh thu thu phí năm 2012 sẽ đạt mức tăng trưởng cao, ước tính tăng 40% so với năm 2011 là do Công ty đã chính thức áp dụng biểu giá thu phí mới kể từ ngày 01/01/2012. Trên cơ sở đó, Công ty sẽ không ngừng phát huy thế mạnh công tác khai thác quản lý thu phí QL.13, xây dựng thương hiệu hướng đến tìm kiếm cơ hội đầu tư mới trong và ngoài tỉnh.
- Tận dụng tất cả cơ hội của thị trường đưa vào kinh doanh khai thác các dự án bất động sản tiềm năng của Công ty tạo tiền đề cho sự phát triển trong các năm tiếp theo.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu tư xây dựng, tất cả các hoạt động của Công ty phải đảm bảo tuân thủ đúng quy chế quản lý nội bộ được ban hành.
- Chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đủ tầm, đủ sức cùng, phát huy tinh đoàn kết cùng xây dựng IJC ngày một phát triển .
- IJC là cổ phiếu chính thức được SGDCK Tp.HCM lựa chọn tham gia vào rổ chỉ số VN30 top 30 cổ phiếu có giá trị vốn hóa trên thị trường chứng khoán trong quý 1/2012. Công ty sẽ tiếp tục phát huy thế mạnh để giữ vững danh hiệu trong các đợt bình chọn tiếp theo.

3. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Báo cáo kết quả kinh doanh (triệu đồng)				
Doanh thu thuần	223	234,38	350,49	1.321
Lợi nhuận gộp	137	162,42	234	503
Lợi nhuận trước thuế	108	111,93	269	403
Lợi nhuận sau thuế	96,56	97,63	212	318
Cân đối kế toán (triệu đồng)				
Tài sản ngắn hạn	367	216	3.013	3.234
Tài sản dài hạn	639	820	982	1.152
Tổng tài sản	1.006	1.036	3.995	4.386
Nợ ngắn hạn	282	165	2.519	596
Nợ dài hạn	144	201	679	648
Vốn CSH	580	669	796	3.143
Số cổ phiếu (CP)	54.838.905	54.838.905	54.838.905	274.194.525
Tăng trưởng				
Tăng trưởng doanh thu	337,8%	5%	49,54%	276,78%
Tăng trưởng lợi nhuận gộp	246,1%	18,8%	43,98%	115,27%
Tăng trưởng LNTT	290,4%	3,7%	140,62%	49,61%
Tăng trưởng Lợi nhuận ròng	385,1%	1,1%	117,28%	49,82%
Giá trị sổ sách/CP (VNĐ)	10.578	12.206	14.521	11.461
EPS (VNĐ)	1.761	1.820	3.869	1.380
Cổ tức/CP (VNĐ)	1.300	1.500	3.000	1.100
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1,3	2,22	1,2	5,43
Khả năng thanh toán nhanh	1,1	1,73	0,66	1,59

Khả năng sinh lời				
ROE	16,65%	14,59%	26,64%	10,11%
ROA	9,6%	9,43%	5,31%	7,25%
ROIC	12,83%	12,53%	21,07%	8,50%
Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần	38,79%	30,70%	33,28%	61,88%
Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	61,21%	69,30%	66,72%	38,12%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	73,48%	54,72%	401,67%	39,57%
Tỷ số nợ	42,36%	35,37%	80,07%	28,35%

Doanh thu:

Tổng doanh thu năm 2011 đạt 1.321 tỷ đồng trong đó doanh thu chính từ hoạt động bất động sản chiếm 88% tổng doanh thu, còn lại là doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông, kinh doanh bất động sản đầu tư và các hoạt động khác.

Chi phí:

Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần năm 2011 tăng so với các năm trước do:

Năm 2011 doanh thu ghi nhận chủ yếu từ các dự án thuộc thành phố mới BD trong khi giá vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại TP mới Bình Dương cao nhiều lần so với khu vực khác.

Chi phí xây dựng cao do chi phí nguyên vật liệu tăng.

Phát sinh thêm chi phí lãi vay trái phiếu vốn hóa cho các dự án.

Khả năng sinh lợi:

Tỷ suất lợi nhuận ròng/ Tổng tài sản (ROA) đạt 8,5% cao hơn so với mức trung bình ngành (3,8%).

Tỷ suất lợi nhuận ròng / vốn chủ sở hữu (ROE): tỷ số này giảm do: năm 2011 công ty phát hành cổ phiếu từ 54.838.905 cp lên 274.194.525 cp dẫn đến lợi nhuận sau thuế tăng so với năm 2010 nhưng ROE lại giảm.

Khả năng quản lý công nợ:

Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu giảm mạnh do:

Năm 2010 công ty vay ngắn hạn trả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án Đông Đô Đại Phố -TP Mới BD, sang năm 2011 công ty phát hành thành công cổ phiếu tăng vốn điều lệ và đã chuyển trả ngân hàng khoản nợ nêu trên.

Cơ cấu vốn và chính sách quản lý vốn:

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ phải trả, nguồn vốn thuộc sở hữu của cổ đông (vốn góp, các quỹ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Tỷ số nợ năm 2011 là 28,35% cho thấy khả năng độc lập về tài chính của IJC hiện nay rất cao, khả năng tự tài trợ lên đến 71,65%. Tỷ số nợ giảm xuống khoảng 50% so với năm 2010 cho thấy khả năng thanh toán công nợ của Công ty ngày càng tốt.

Năm 2011 công ty thay đổi cấu trúc vốn theo hướng sử dụng vốn nhiều hơn sử dụng nợ. Nếu sử dụng nợ cao sẽ ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của các dự án, khi lợi nhuận của các dự án giảm mà các khoản chi phí lãi vay tăng cao sẽ dẫn đến nhiều rủi ro. Tuy nhiên, khi phát hành một lượng lớn cổ phiếu thì doanh thu và lợi nhuận sẽ không thể theo kịp tốc độ tăng trưởng của tài sản, vốn chủ sở hữu và ban lãnh đạo công ty sẽ chịu áp lực về tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay ngân hàng. Công ty quản lý rủi ro tài chính thông qua quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quản lý dòng tiền và tính thanh khoản:

Quản lý dòng tiền bằng cách tăng tốc độ thu hồi công nợ, có chính sách bán hàng khuyến khích mua nhiều để giảm số dư hàng tồn kho. Hàng năm công ty lập dự toán thu chi ngân sách, cân đối các khoản thu, chi duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban lãnh đạo công ty đánh giá là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Căn cứ vào chỉ số thanh khoản của công ty có thể thấy rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp, công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Chính sách trả cổ tức:

Công ty có chính sách trả cổ tức ổn định; hàng năm căn cứ vào kế hoạch kết quả hoạt động kinh doanh công ty sẽ đưa ra tỷ lệ chi trả cổ tức đảm bảo có mức chia hợp lý cho cổ đông, đồng thời đảm bảo một tỷ lệ lợi nhuận tái đầu tư để duy trì sự tăng trưởng bền vững của công ty.

Thay đổi về vốn cổ đông năm 2011:

Trong năm 2011, IJC đã hoàn chỉnh phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ từ 548,389 tỷ đồng lên 2.741 tỷ đồng cụ thể như sau:

Tên cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/01 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 219.355.620 cổ phiếu

Ngày phát hành: 25/01/2011

Thời hạn đăng ký mua: từ 25/01/2011 đến ngày 18/02/2011

Ngày thanh toán tiền mua cổ phiếu: từ ngày 25/01/2011 đến ngày 28/02/2011

Ngày kết thúc chào bán: 15/03/2011

Ngày kết thúc chuyển giao cổ phiếu: 14/04/2011

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 2.203.976.426.000 đồng

Ngày niêm yết cổ phiếu bổ sung: 06/05/2011

Thay đổi về vốn cổ đông năm 2011:

	31/12/2011	20/03/2011
Cổ phiếu đang lưu hành		274.194.525(**)
Trái phiếu đang lưu hành	500 (*)	

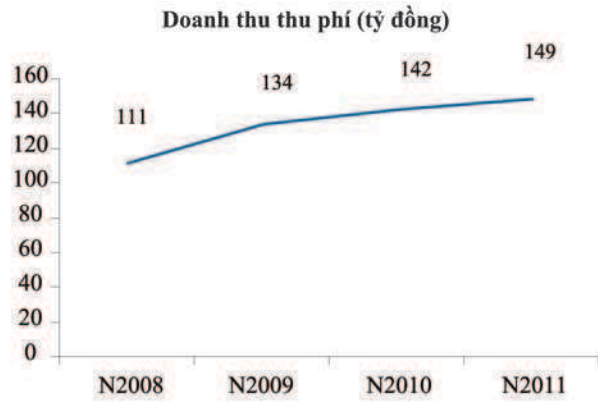
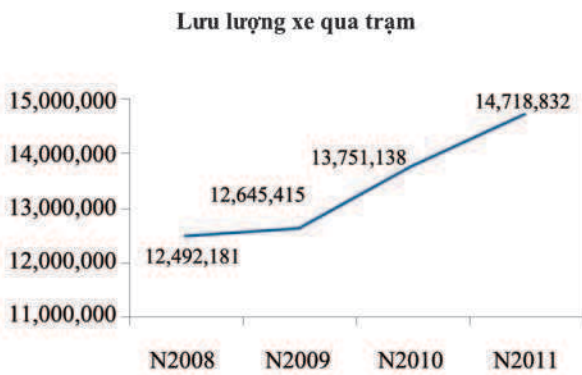
(*) Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000.000 đồng/ trái phiếu

(**) Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

b. Kết quả hoạt động kinh doanh:

Hoạt động thu phí giao thông:

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Lưu lượng xe qua trạm (lượt)	12.492.181	12.645.415	13.751.138	14.718.832
Doanh thu (tỷ đồng)	111	134	142	149



Với 14,7 lưu lượng xe qua trạm năm 2011 tăng 7% so với năm 2010; trang bị 2610 thiết bị thu phí tự động OBU cho các phương tiện giao thông nâng tổng số OBU được trang bị lên 18.900, chiếm khoảng 40% tổng lưu lượng xe lưu thông qua trạm.

Trong năm, Công ty thường xuyên chú trọng đến công tác duy tu bảo dưỡng tuyến QL.13 như: kiểm tra hệ thống điện thấp sáng, đèn tín hiệu, biển báo giao thông... để đảm bảo an toàn cho các phương tiện tham gia giao thông và mỹ quan trên tuyến QL.13.

Chuẩn bị công tác tổ chức di dời trạm thu phí Vĩnh Phú đồng thời phân luồng giao thông nhằm tránh tình trạng ùn tắc giao thông.

Tăng cường công tác giám sát tại hai trạm thu phí Vĩnh Phú và Suối giữa đảm bảo cho hoạt động thu phí được liên tục và hệ thống thiết bị thu phí vận hành ổn định.

Hoạt động đầu tư, xây dựng kinh doanh bất động sản:

Doanh thu từ hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản trong năm đạt 1.163 tỷ đồng, đạt 85% so với kế hoạch, tăng 456% so với cùng kỳ năm 2010

Năm 2011 tình hình bất động sản vẫn còn trầm lắng trên cả nước nói chung và tỉnh Bình Dương nói riêng. Tuy nhiên, với lợi thế từ việc sở hữu nhiều quỹ đất sạch với các dự án nổi bật tập trung chủ yếu tại Trung tâm TX.TDM và thành phố mới Bình Dương như: – Dự án Becamex City Center; thành phố mới Bình Dương – Chung cư cao cấp IJC Aroma, Biệt thự Sunflower, dự án Đông đô đại phố (Khu đô thị IJC); khu đô thị - công nghiệp Mỹ Phước – dự án The Green River, Phố thương mại IJC, Rosemary kết quả kinh doanh năm 2011 của hoạt động này đã góp phần đem lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

Các dự án đã và đang triển khai:



BECAMEX CITY CENTER

Becamex City nằm trên khu đất có diện tích 6,1 ha tại Trung tâm TX.TDM. Các hạng mục của dự án gồm có: Cao ốc New Horizon, Tổ hợp căn hộ Sunrise, Cao ốc văn phòng Becamex Tower.

Tòa nhà New Horizon đã tiến hành bàn giao hết 67/67 số lượng căn hộ cho khách hàng với số tiền thu được là 96 tỷ đồng. Chính thức hoàn thành và đưa vào sử dụng Cao ốc Văn phòng Becamex Tower từ tháng 09/ 2011, hiện nay đã có 5 tầng văn phòng được đưa vào sử dụng, các tầng còn lại đang xúc tiến để tiếp tục cho thuê. Bên cạnh đó, việc khai trương hoạt động của Trung tâm thương mại tại các tầng đế của Cao ốc đã góp phần nâng cao vị thế của dự án Becamex City Center. Tổ hợp Sunrise (Block C&D) hiện đang triển khai công tác hoàn thiện.



PHỐ THƯƠNG MẠI IJC

Phố Thương mại IJC có diện tích 8.5 ha. Doanh thu 51 tỷ đồng được ghi nhận từ việc triển khai bán các lô K49, K33, K34.



NHÀ PHỐ VÀ BIỆT THỰ THE GREEN RIVER

Với diện tích 130ha và doanh thu 447 tỷ đồng từ việc bán nhà phố và biệt thự tại khu The Green River và The Green River mở rộng.



TỔ HỢP CĂN HỘ IJC AROMA

IJC Aroma có diện tích 2,1ha , gồm 4 cao ốc _A,B,C,D và khối nhà thương mại _khối E và dãy Shop IJC Aroma. Năm 2011, 220 căn hộ từ Block _A, B đã được bàn giao cho khách hàng, Block _C,D và E đang trong giai đoạn thi công phần thân. Doanh thu ghi nhận cho dự án này trong năm là 421 tỷ đồng.



BIỆT THỰ SUNFLOWER

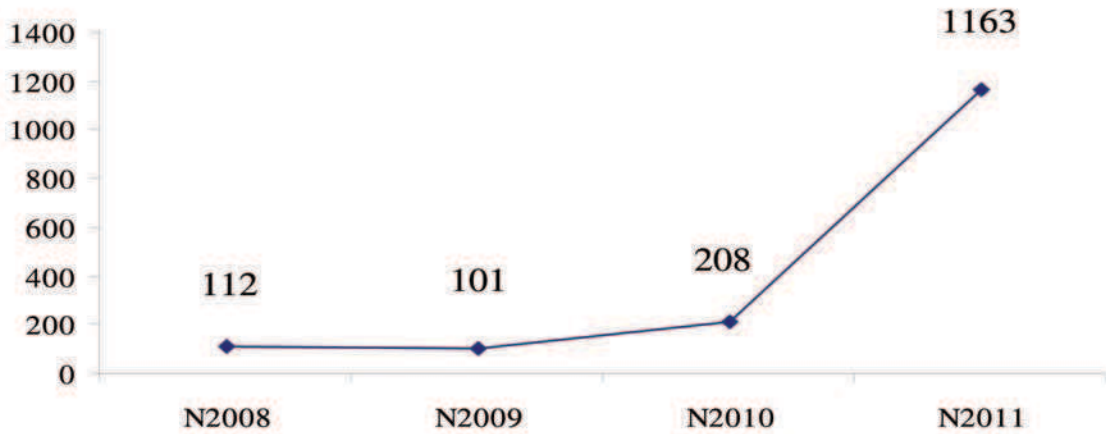
Biệt thự Sunflower nằm trên khu đất có diện tích 7,3 ha, hiện tại dự án đã hoàn thành khu công viên trung tâm, nhà điều hành và 2 căn nhà mẫu để phục vụ công tác bán hàng. Doanh thu ghi nhận cho dự án này trong năm là 38 tỷ đồng.



KHU ĐÔ THỊ IJC_ĐÔNG ĐÔ ĐẠI PHỐ

Tọa lạc trên diện tích 26,6 ha, dự án đang trong giai đoạn thi công hạ tầng và xây dựng phần thô. Doanh thu 189 tỷ đồng được ghi nhận cho dự án này trong năm.

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Doanh thu hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản (tỷ đồng)	112	101	208	1163

Doanh thu hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản (tỷ đồng)**Tiền bộ đạt được**

Sử dụng phần mềm quản lý hợp đồng, theo dõi và thanh toán công nợ áp dụng đối với khách hàng giao dịch mua bán bất động sản tại Công ty, góp phần tiết kiệm chi phí và đem lại hiệu quả cao trong việc phối hợp theo dõi công nợ giữa các bộ phận.

Duy trì việc áp dụng hệ thống quản lý ISO 9001:2008 trong lĩnh vực thu phí và môi giới bất động sản. Được các tổ chức tài chính đánh giá cao tiềm năng phát triển IJC khi trong năm cổ phiếu IJC được đưa vào rổ chỉ số FTSE VietNam Index.

Nhận được bằng khen của UBND Tỉnh Bình Dương khen thưởng doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu.

Hoạt động Marketing

Sau những năm đầu phát triển thương hiệu Becamex, năm 2011 là năm bộ phận thực hiện các chương trình marketing trực tiếp, tạo sức nóng cho sản phẩm, từng bước tạo dựng thành công thương hiệu cho từng sản phẩm, góp phần vào sự phát triển chung của thương hiệu Becamex IJC cụ thể như:

- Tổ chức nhiều cuộc hội thảo tìm hiểu cơ hội đầu tư dự án IJC Aroma thu hút 600 khách hàng tham gia; hội nghị doanh nhân tìm hiểu cơ hội đầu tư Bất động sản tổ chức tại khách sạn Equatorial – Tp.HCM đã thu hút 500 khách hàng tham dự; lễ bán hàng dự án Aroma Luxury Shop tại trung tâm Sapphire – Tp.HCM; lễ tặng quà, các chương trình rút thăm trúng thưởng dành cho khách hàng tham gia mua dự án The Green River, IJC Aroma.

- Chọn phương án tiếp thị trực tiếp áp dụng cho dự án Biệt thự Sunflower Villas. Bộ phận marketing của IJC kết hợp với bộ phận bán hàng chủ động mời, đưa đón khách hàng đi tham quan vào dịp cuối tuần, cảm nhận về đẹp, tốc độ xây dựng nhanh chóng của các công trình, giới thiệu chi tiết về thành phố mới Bình Dương.

- Ngoài ra, Công ty không ngừng đẩy mạnh công tác quảng cáo, tiếp thị trên các phương tiện truyền thông.

Quản trị rủi ro

Chi phí hoạt động:

Thắt chặt chính sách đối với các khoản chi tiêu ngoài ngân sách. Bằng giải pháp hợp lý, giảm thiểu tới mức có thể các khoản định phí;

Các dự án đầu tư:

Rà soát lại danh mục dự án, tìm ra cơ hội tạm dừng hoặc thúc đẩy việc thực hiện. Thúc đẩy việc triển khai các dự án thực sự trọng yếu và có thể đạt được thời gian thu hồi vốn ngắn, kết hợp với việc xem xét lại các giả định tính toán cơ sở để đảm bảo dự án có thể đứng vững và hiệu quả. Tăng cường hiệu quả quản lý dự án, quản lý tiến độ, nhân lực, hạng mục phát sinh, các chi phí phát sinh.

Quản trị doanh nghiệp

IJC luôn chú trọng đến việc áp dụng quản trị doanh nghiệp tại Công ty, các thành viên HĐQT đều tham gia các khóa đào tạo và được cấp chứng chỉ về quản trị doanh nghiệp. Ngoài ra, để thực hiện tốt công tác quản lý và điều hành các hoạt động tại Công ty đều tuân thủ đúng quy định quản trị nội bộ đã được ban hành.

Kế hoạch phát triển năm 2012:

Dự kiến doanh thu năm đạt 1.484 tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2011. Trong đó:

- Doanh thu thu phí ước đạt 209 tỷ đồng, tăng 40% so với 2011
- Doanh thu môi giới, kinh doanh bất động sản: 1.250 tỷ đồng, tăng 7% so với năm 2011
- Hoạt động đầu tư khác: 24 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế ước đạt 466 tỷ đồng tăng 16% so với năm 2011

Lợi nhuận sau thuế ước đạt 363 tỷ tăng 14% so với năm 2011.

4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng kỹ thuật là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Dự án Quốc lộ 13 trực thuộc Công ty Đầu tư và phát triển công nghiệp (nay là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp TNHH một thành viên) theo Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000368 ngày 02 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần 01 đến lần 06 về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Đầu tư và phát triển công nghiệp TNHH một thành viên	216.066.006	2.160.660.060.000	78,80
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương	6.712.775	67.127.750.000	2,45
Ông Hồ Hồng Thạch	24.375	243.750.000	0,01
Các cổ đông khác	51.391.369	513.913.690.000	18,74
Cộng	274.194.525	2.741.945.250.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 5 Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
 Điện thoại : (0650) 3848.789
 Fax : (0650) 3848.678
 Mã số thuế : 3700805566

Hoạt động của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Thi công điện dân dụng và công nghiệp;
- Tư vấn các công trình dân dụng, công cộng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng. Tư vấn và lập quy hoạch chi tiết, tổng dự toán, lập, thẩm định dự án đầu tư các khu dân cư, đô thị, khu công nghiệp, các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Giám sát xây dựng các công trình giao thông;
- Xây dựng các công trình công cộng;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật hạ tầng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị. Kinh doanh bất động sản và cho thuê nhà ở, căn hộ, nhà xưởng và văn phòng. Dịch vụ nhà ở công nhân. Mua bán, chuyển nhượng, thuê, thuê mua bất động sản;
- Thực hiện kinh doanh các dự án đầu tư xây dựng theo phương thức BOT, BT;
- Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước;
- Khai thác khoáng sản. Chế biến khoáng sản;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Mua bán vật liệu xây dựng;

- Mua bán các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn. Mua bán vật tư, nguyên liệu và hàng hoá phục vụ cho sản xuất tiêu dùng;
- Sản xuất vật tư, nguyên liệu và hàng hoá phục vụ cho sản xuất tiêu dùng;
- Dịch vụ trồng cây xanh, vườn hoa, cây cảnh;
- Dịch vụ chăm sóc cây xanh, vườn hoa, cây cảnh;
- Thu gom rác thải, vệ sinh môi trường;
- Xử lý rác thải, vệ sinh môi trường.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Năm nay, Công ty tăng vốn điều lệ từ 548.389.050.000 VND lên 2.741.945.250.000 VND.

Ngoài ra, doanh thu năm nay tăng 968 tỷ VND # 275% chủ yếu là doanh thu từ các dự án bất động sản của Công ty tăng.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 40).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 28 tháng 4 năm 2011 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển (5% lợi nhuận sau thuế)	10.607.310.113 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính (10% lợi nhuận sau thuế)	21.214.620.227 VND
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (5% lợi nhuận sau thuế)	10.607.310.113 VND
- Trích quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành	500.000.000 VND
- Chia cổ tức (30%/vốn điều lệ)	164.516.715.000 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trịnh Phước Hiệp	Chủ tịch	09 tháng 7 năm 2010	29 tháng 6 năm 2011
Ông Quảng Văn Viết Cường	Chủ tịch	29 tháng 6 năm 2011	-
Ông Nguyễn Hoàn Vũ	Phó Chủ tịch	29 tháng 6 năm 2011	-
Ông Đỗ Quang Ngôn	Thành viên	15 tháng 11 năm 2007	-
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên	25 tháng 6 năm 2007	-
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên	10 tháng 3 năm 2010	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Dương Thị Hồng Ty	Trưởng ban	25 tháng 6 năm 2007	-
Ông Nguyễn Văn Thanh Huy	Thành viên	25 tháng 6 năm 2007	-
Ông Nguyễn Vĩnh Thành	Thành viên	25 tháng 6 năm 2007	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đỗ Quang Ngôn	Tổng Giám đốc	16 tháng 7 năm 2007	-

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Văn Hậu	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 7 năm 2007	-
Ông Trần Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	06 tháng 4 năm 2011	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng kỹ thuật tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Quang Ngôn
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 03 năm 2012

Số: .0138/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng kỹ thuật gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 10 tháng 02 năm 2012, từ trang 06 đến trang 41 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng kỹ thuật tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Phùng Thị Quang Thái - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0094/KTV

Nguyễn Thanh Ngọc Trâm - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1336/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Tầng 5 Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3,233,802,743,281	3,012,991,519,290
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	101,668,510,456	364,466,899,701
1. Tiền	111		28,668,510,456	4,466,899,701
2. Các khoản tương đương tiền	112		73,000,000,000	360,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		844,358,521,675	1,166,945,388,594
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	762,606,809,538	68,868,323,516
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	38,599,357,759	1,063,436,967,507
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	43,152,354,378	34,640,097,571
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		2,283,808,480,055	1,360,411,426,849
1. Hàng tồn kho	141	V.5	2,283,808,480,055	1,360,411,426,849
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,967,231,095	121,167,804,146
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	1,483,500,795	421,567,840
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	109,702,576,105
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	2,483,730,300	11,043,660,201

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,152,173,962,677	981,945,279,903
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		493,585,170,857	365,786,439,846

1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-	
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212	-	-	
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	-	-	
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.8	493,585,170,857	365,786,439,846
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		640,963,177,575	602,540,299,101
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	613,150,189,108	583,081,112,281
<i>Nguyên giá</i>	222		776,524,298,307	718,677,880,898
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(163,374,109,199)	(135,596,768,617)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	903,897,558	1,277,368,638
<i>Nguyên giá</i>	228		1,867,355,441	1,867,355,441
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(963,457,883)	(589,986,803)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	26,909,090,909	18,181,818,182
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		17,625,614,245	13,618,540,956
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	16,683,301,105	11,047,931,227
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	2,019,246,589
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	942,313,140	551,363,140
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4,385,976,705,958	3,994,936,799,193

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,243,469,816,165	3,198,611,291,838
I. Nợ ngắn hạn	310		595,743,779,388	2,519,052,320,731
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	117,789,538,158	2,277,808,818,346
2. Phải trả người bán	312	V.16	84,742,716,598	26,684,710,855
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	1,449,479,536	13,200,640,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	69,335,434,889	53,949,286,695
5. Phải trả người lao động	315	V.19	2,538,230,899	1,169,629,869
6. Chi phí phải trả	316	V.20	274,498,770,623	118,150,734,029
7. Phải trả nội bộ	317		-	-

8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	44,968,957,915	28,088,500,937
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	420,650,770	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		647,726,036,777	679,558,971,107
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.23	2,681,872,075	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	559,599,825,510	617,048,101,374
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.25	180,909,423	132,990,387
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.26	85,263,429,769	62,377,879,346
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3,142,506,889,793	796,325,507,355
I. Vốn chủ sở hữu	410		3,142,506,889,793	796,325,507,355
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	2,741,945,250,000	548,389,050,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	10,420,226,000	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.27	20,616,031,488	10,008,721,375
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.27	40,933,463,075	19,718,842,848
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	328,591,919,230	218,208,893,132
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4,385,976,705,958	3,994,936,799,193

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

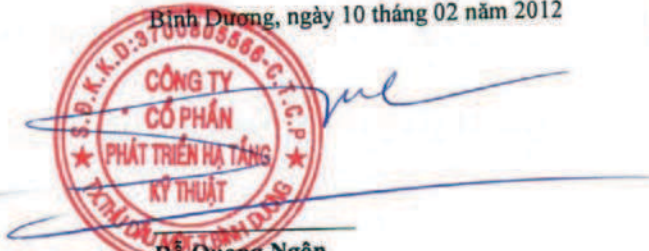
Bình Dương, ngày 10 tháng 02 năm 2012



Bùi Thị Thùy
Người lập biểu



Trịnh Thanh Hùng
Kế toán trưởng



Đỗ Quang Ngôn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số liệu	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,320,624,657,651	351,726,272,004
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	1,226,727,365
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1,320,624,657,651	350,499,544,639
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	817,211,329,486	116,652,865,462
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		503,413,328,165	233,846,679,177
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	17,587,260,758	225,238,357,338
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	27,077,071,172	145,370,616,499
Trong đó: chi phí lãi vay	23		26,627,798,747	145,370,616,499
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	74,191,056,739	32,313,771,689
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	17,373,946,777	12,203,335,137
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		402,358,514,235	269,197,313,190
11. Thu nhập khác	31	VI.7	738,713,733	317,837,854
12. Chi phí khác	32	VI.8	121,452,253	167,428,084
13. Lợi nhuận khác	40		617,261,480	150,409,770
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		402,975,775,715	269,347,722,960
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	83,127,547,575	59,217,193,857
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	2,019,246,589	(2,015,673,164)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>317,828,981,551</u>	<u>212,146,202,267</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1,380</u>	<u>3,869</u>

Bình Dương, ngày 10 tháng 02 năm 2012



Bùi Thị Thùy
Người lập biểu



Trịnh Thanh Hùng
Kế toán trưởng



Đỗ Quang Ngôn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Tầng 5 Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		402,975,775,715	269,347,722,960
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9; V.10	28,164,724,333	26,548,728,823
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3; VI.7; VI.8	(17,070,056,844)	(4,589,369,946)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	26,627,798,747	145,370,616,499
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		440,698,241,951	436,677,698,336
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		336,008,524,752	(1,332,397,092,395)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(870,653,425,239)	(1,268,460,211,319)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		289,871,727,807	59,233,667,190
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6,697,302,833)	(404,759,595)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(196,531,213,797)	(64,417,943,538)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(80,418,887,886)	(20,881,476,041)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3,121,333,413	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(8,948,371,242)	(4,554,491,002)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(93,549,373,074)	(2,195,204,608,364)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9; V.11; VII	(22,078,713,217)	(22,613,601,076)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	81,459,091	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		30,505,933,482	3,585,891,445
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		8,508,679,356	(19,027,709,631)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.27	2,203,976,426,000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15	87,424,864,347	2,740,562,136,359
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15	(2,304,892,420,399)	(86,864,963,245)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21;V.27	(164,266,565,475)	(81,972,556,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(177,757,695,527)	2,571,724,616,614
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(262,798,389,245)	357,492,298,619
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	364,466,899,701	6,974,601,082
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	101,668,510,456	364,466,899,701

Bình Dương, ngày 10 tháng 02 năm 2012


Bùi Thị Thùy
 Người lập biểu


Trịnh Thanh Hùng
 Kế toán trưởng



Đỗ Quang Ngôn
 Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, kinh doanh bất động sản.
- Ngành nghề kinh doanh** : Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 394 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 250 nhân viên).
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Năm nay, Công ty tăng vốn điều lệ từ 548.389.050.000 VND lên 2.741.945.250.000 VND.

Ngoài ra, doanh thu năm nay tăng 968 tỷ VND # 275% chủ yếu là doanh thu từ các dự án bất động sản của Công ty tăng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Chi phí trả trước dài hạn***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13

Các khoản duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13 được phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Thiết bị thu phí tự động

Các thiết bị thu phí tự động được phân bổ vào chi phí với thời gian phân bổ là 05 năm.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

15. Tài sản tài chính***Phân loại tài sản tài chính***

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ảnh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

16. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

17. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	11.408.559.287	651.831.759
Tiền gửi ngân hàng	17.259.951.169	3.815.067.942
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng)	73.000.000.000	360.000.000.000
Cộng	<u>101.668.510.456</u>	<u>364.466.899.701</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng mua nhà, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng phố thương mại IJC2	28.471.827.448	10.449.265.680
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng Lô 5B	181.389.511.045	52.255.540.700
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng Khu đô thị Đông Đô Đại Phố	163.994.280.115	-
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng Khu biệt thự Sunflower	35.360.193.000	-
Các khách hàng mua căn hộ chung cư IJC Aroma, Aroma Shop	327.445.436.408	-
Công ty cổ phần đầu tư & kinh doanh bất động sản - tiền xây dựng Lô F13-68 căn khu phố Phú An, Mỹ Phước	4.162.500.000	5.475.250.000
		-

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Tư vấn dịch vụ đầu tư - tiền xây dựng, quảng cáo Lô P6A nhà phố Prince Town	20.147.659.554	
Các khách hàng mua vé tháng	38.700.000	91.800.000
Các khách hàng khác	1.596.701.968	596.467.136
Cộng	<u>762.606.809.538</u>	<u>68.868.323.516</u>
3. Trả trước cho người bán		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các Công ty có liên quan	-	1.021.581.500.000
Các nhà cung cấp khác	38.599.357.759	41.855.467.507
Cộng	<u>38.599.357.759</u>	<u>1.063.436.967.507</u>
4. Các khoản phải thu khác		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng trước tiền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Mỹ Phước - xây dựng dự án Khu phố thương mại IJC2	24.011.097.000	24.011.097.000
Chi hộ cho Ban quản lý tòa nhà chung cư New Horizon, tòa nhà Becamex Tower	38.256.410	207.502.754
Chi phí môi giới, quảng cáo của hoạt động kinh doanh bất động sản còn treo lại do chưa phát sinh doanh thu	9.484.309.322	3.583.239.504
Các khoản chi phúc lợi cho nhân viên nhưng chưa có nguồn	-	2.568.699.439
Lãi ngân hàng dự thu	291.277.778	1.003.478.501
Tiền ứng để thi công hệ thống cấp nước	1.021.950.000	422.000.000
Phải thu tiền chi hộ trang trí nội thất căn hộ IJC Aroma- Công ty Becamex IDC	4.340.209.288	-
Phải thu tiền chi hộ hoa hồng môi giới bán nhà phố Prince Town- Công ty Becamex ISC	363.577.499	-
Phải thu tiền chi hộ làm sổ cho khách hàng mua căn hộ New Horizon	484.114.859	-
Phải thu tiền làm hộ sên cho khách hàng mua nhà tại phố thương mại IJC2	598.507.954	-
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai khấu trừ	722.727.273	1.818.181.818
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	1.705.268.596	954.160.059
Các khoản phải thu khác	91.058.399	71.738.496
Cộng	<u>43.152.354.378</u>	<u>34.640.097.571</u>
5. Hàng tồn kho		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.465.028.575	1.858.909.611
Công cụ, dụng cụ	3.660.877.556	6.524.641.662
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.265.748.748.804	1.352.027.875.576
Hàng hóa bất động sản	12.933.825.120	-
Cộng	<u>2.283.808.480.055</u>	<u>1.360.411.426.849</u>

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13	20.716.674	230.591.667
Chi phí quảng cáo	1.068.242.425	190.976.173
Chi phí khác	394.541.696	-
Cộng	<u>1.483.500.795</u>	<u>421.567.840</u>

7. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên Công ty. Chi tiết:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng công tác	887.730.300	972.660.201
Tạm ứng để đặt cọc mua bất động sản	1.596.000.000	10.071.000.000
Cộng	<u>2.483.730.300</u>	<u>11.043.660.201</u>

8. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp TNHH một thành viên - ứng trước tiền đền bù giải toả, góp vốn xây dựng Dự án Becamex City Center	391.585.170.857	365.786.439.846
Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ đầu tư - ứng tiền hợp tác kinh doanh dự án phát triển nhà ở độc lập Phố thương mại Prince Town	58.000.000.000	-
Công ty cổ phần xây dựng & thương mại Ngọc Hầu - ứng tiền góp vốn xây dựng Khu dân cư công viên Thoại Ngọc Hầu	44.000.000.000	-
Cộng	<u>493.585.170.857</u>	<u>365.786.439.846</u>

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	699.250.677.859	798.979.649	3.756.747.962	14.871.475.428	718.677.880.898
Mua trong năm	55.048.223.065	736.380.000	739.688.180	1.384.128.619	57.908.419.864
Thanh lý trong năm	-	-	-	(62.002.455)	(62.002.455)
Số cuối năm	<u>754.298.900.924</u>	<u>1.535.359.649</u>	<u>4.496.436.142</u>	<u>16.193.601.592</u>	<u>776.524.298.307</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	17.793.625	-	54.568.193	72.361.818
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	127.708.284.883	366.542.941	1.490.737.285	6.031.203.508	135.596.768.617
Khấu hao trong năm	24.018.263.072	198.577.296	727.670.122	2.846.742.763	27.791.253.253
Thanh lý trong năm	-	-	-	(13.912.671)	(13.912.671)
Số cuối năm	<u>151.726.547.955</u>	<u>565.120.237</u>	<u>2.218.407.407</u>	<u>8.864.033.600</u>	<u>163.374.109.199</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	571.542.392.976	432.436.708	2.266.010.677	8.840.271.920	583.081.112.281
Số cuối năm	<u>602.572.352.969</u>	<u>970.239.412</u>	<u>2.278.028.735</u>	<u>7.329.567.992</u>	<u>613.150.189.108</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 751.619.040.984 VND và 601.112.538.874 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	1.867.355.441	589.986.803	1.277.368.638
Khấu hao trong năm	-	373.471.080	
Số cuối năm	1.867.355.441	963.457.883	903.897.558

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua 5 tầng cao ốc văn phòng Becamex City Center. Chi tiết như sau

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	18.181.818.182	-
Tăng trong năm	8.727.272.727	18.181.818.182
Số cuối năm	26.909.090.909	18.181.818.182

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	2.066.356.835	8.017.507.814	(2.467.588.300)	7.616.276.349
Chi phí duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13	749.318.386	786.884.858	(684.515.843)	851.687.401
Thiết bị thu phí tự động	8.232.256.006	2.734.005.900	(2.750.924.551)	8.215.337.355
Cộng	11.047.931.227	11.538.398.572	(5.903.028.694)	16.683.301.105

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.019.246.589	3.573.425
Số phát sinh	-	2.015.673.164
Số hoàn nhập	(2.019.246.589)	-
Số cuối năm	-	2.019.246.589

14. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ thuê văn phòng Công ty	-	160.800.000
Ký quỹ thuê văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh	293.463.140	180.463.140
Ký quỹ thuê văn phòng chi nhánh tại TP. Hà Nội	438.750.000	-
Ký quỹ quản lý tại Khu công nghiệp - dịch vụ - đô thị Bình Dương	210.100.000	210.100.000
Cộng	942.313.140	551.363.140

15. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	60.341.262.294	2.217.360.542.482
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ^(a)	34.971.298.124	4.876.452.222
- Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ^(b)	25.369.964.170	2.212.484.090.260
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.24)	57.448.275.864	60.448.275.864
Cộng	<u>117.789.538.158</u>	<u>2.277.808.818.346</u>

(a) Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông Dự án đầu tư BOT: “Nâng cấp và mở rộng Quốc lộ 13 – tỉnh Bình Dương từ Km1+248 đến Km28+178 dài 27,197 km từ gần cầu Vĩnh Bình, huyện Thuận An đến Ngã ba Đài Hoa Sen - Khu công nghiệp Tân Định, Bến Cát” (Dự án I) theo Hợp đồng thế chấp số 01/1728454/HĐTC ngày 20 tháng 4 năm 2009.

(b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông Dự án đầu tư BOT: “Nâng cấp và mở rộng Quốc lộ 13 – tỉnh Bình Dương từ Km28+000 đến Km65+355 dài 37,584 km từ Đài vệ tinh Tân Định, Bến Cát đến Cầu Tham Rót giáp ranh tỉnh Bình Phước” (Dự án II) theo Hợp đồng thế chấp số 0274/10/BD ngày 15 tháng 4 năm 2010.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số tiền vay phát		Số tiền vay đã trả		Số cuối năm
	Số đầu năm	sinh trong năm	Số kết chuyển	trong năm	
Vay ngắn hạn ngân hàng	2.217.360.542.482	87.424.864.347	-	(2.244.444.144.535)	60.341.262.294
Vay dài hạn đến hạn trả	60.448.275.864	-	57.448.275.864	(60.448.275.864)	57.448.275.864
Cộng	<u>2.277.808.818.346</u>	<u>87.424.864.347</u>	<u>57.448.275.864</u>	<u>(2.304.892.420.399)</u>	<u>117.789.538.158</u>

16. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các Công ty có liên quan	58.191.919.774	15.279.732.600
Các nhà cung cấp khác	26.550.796.824	11.404.978.255
Cộng	<u>84.742.716.598</u>	<u>26.684.710.855</u>

17. Người mua trả tiền trước

Khoản tiền đã thu của khách hàng theo tiến độ góp vốn xây dựng nhà ở tại các dự án mà Công ty đang đầu tư. Chi tiết:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khu phố Thương mại IJC2 - Mỹ Phước 3	447.600.000	447.600.000
Khu phố Thương mại IJC - Mỹ Phước 3	695.000.000	893.000.000
Khu biệt thự The Green River	274.500.000	10.887.140.000
Khu biệt thự Sunflower	-	940.000.000
Khách hàng khác	32.379.536	32.900.000
Cộng	<u>1.449.479.536</u>	<u>13.200.640.000</u>

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.768.276.433	35.916.201.359	(24.179.396.554)	16.505.081.238
Thuế thu nhập doanh nghiệp	49.012.774.906	83.878.658.109	(80.418.887.886)	52.472.545.129
Thuế thu nhập cá nhân	168.235.356	3.090.353.874	(2.900.780.708)	357.808.522
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	53.949.286.695	122.888.213.342	(107.502.065.148)	69.335.434.889

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Không chịu thuế
Các hoạt động khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Theo hợp đồng B.O.T đã ký giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương và Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp (Becamex IDC) và Công văn số 8900/CT-KTr1 ngày 07 tháng 11 năm 2008 của Cục thuế tỉnh Bình Dương, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động thu phí tuyến Quốc lộ 13 – tỉnh Bình Dương trong 04 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo. Như vậy:

- Đối với Dự án I từ Km1+248 đến Km28+178 dài 27,197 km từ gần cầu Vĩnh Bình huyện Thuận An đến Ngã ba Đài Hoa Sen - Khu công nghiệp Tân Định, Bến Cát: có thu nhập chịu thuế từ năm 2002 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là năm thứ 06 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
- Đối với Dự án II từ Km28+000 đến Km65+355 dài 37,584 km từ Đài vệ tinh Tân Định, Bến Cát đến Cầu Tham Rớt giáp ranh tỉnh Bình Phước: Công ty có thu nhập chịu thuế từ năm 2008 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là năm thứ 04 Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	402.975.775.715	269.347.722.960
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.593.664.887	9.191.011.946
- Các khoản điều chỉnh giảm	(8.062.692.656)	-
Thu nhập tính thuế	396.506.747.946	278.538.734.906
Trong đó		
- Hoạt động kinh doanh thu phí (Dự án I)	45.310.484.879	33.032.214.927
- Hoạt động kinh doanh thu phí (Dự án II)	41.341.315.209	25.153.852.015
- Hoạt động kinh doanh khác	309.854.947.858	220.352.667.964
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	99.126.686.987	69.634.683.727

	Năm nay	Năm trước
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm theo Hợp đồng B.O.T</i>	<i>(15.999.139.412)</i>	<i>(10.417.489.870)</i>
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</i>	<i>83.127.547.575</i>	<i>59.217.193.857</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản</i>	<i>751.110.534</i>	<i>475.714.604</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	83.878.658.109	59.692.908.461

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 2% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 năm 2011 còn phải trả.

20. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước giá vốn chung cư IJC Aroma	135.893.240.073	-
Trích trước giá vốn xây dựng shop Aroma	6.229.077.478	-
Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất	98.762.351.449	26.489.520.941
Trích trước giá vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng khu biệt thự Sunflower	19.145.240.616	-
Chi phí lãi vay phải trả	7.640.716.032	87.158.445.893
Chi phí tiếp thị, môi giới	4.188.181.810	3.883.195.455
Trích trước giá vốn xây dựng nhà	41.590.911	548.424.161
Chi phí khác	2.598.372.254	71.147.579
Cộng	274.498.770.623	118.150.734.029

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	348.794.633	367.327.058
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	27.491.353.940	26.111.500.000
Tiền bảo hành còn phải trả nhà cung cấp	293.203.476	66.981.328
Cổ tức phải trả	535.950.525	285.801.000
Tiền bảo dưỡng chung cư IJC Aroma	7.576.786.271	-
Phải trả doanh thu cho gian hàng tại TTTM Becamex	1.672.179.795	-
Phải trả tiền thu hộ nhà phố Prince Town – Công ty cổ phần dịch vụ tư vấn Đầu tư	4.079.299.000	-

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền thu hộ căn hộ New Horizon – Tổng Công ty Đầu tư & Phát triển Công nghiệp TNHH MTV	1.229.494.000	
Phải trả tiền thu hộ căn hộ Sunrise – Tổng Công ty Đầu tư & Phát triển Công nghiệp TNHH MTV	115.697.800	-
Thù lao HĐQT	1.585.000.000	1.060.000.000
Các khoản phải trả khác	41.198.475	196.891.551
Cộng	<u>44.968.957.915</u>	<u>28.088.500.937</u>

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	10.607.310.113	278.661.338	(7.896.621.242)	(2.568.699.439)	420.650.770
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	500.000.000	-	(500.000.000)	-	-
Cộng	-	<u>11.107.310.113</u>	<u>278.661.338</u>	<u>(8.396.621.242)</u>	<u>(2.568.699.439)</u>	<u>420.650.770</u>

23. Phải trả dài hạn khác

Khoản tiền ký quỹ của khách hàng thuê gian hàng tại Trung tâm thương mại Becamex.

24. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	59.599.825.510	117.048.101.374
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ^(a)	26.030.860.000	51.030.860.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ^(b)	33.568.965.510	66.017.241.374
Trái phiếu ^(c)	500.000.000.000	500.000.000.000
Cộng	<u>559.599.825.510</u>	<u>617.048.101.374</u>

^(a) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để:

- Nhận lại nợ vay từ việc cổ phần hoá và chuyển Dự án BOT Quốc lộ 13 trực thuộc Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp (Becamex IDC Corp.) thành Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật (Becamex IJC) theo Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông Dự án đầu tư BOT: "Nâng cấp và mở rộng Quốc lộ 13 - tỉnh Bình Dương từ Km1+248 đến Km28+178 dài 27,197 km từ gần cầu Vĩnh Bình huyện Thuận An đến Ngã ba Đài Hoa Sen - Khu công nghiệp Tân Định, Bến Cát" (Dự án I) theo Hợp đồng thế chấp số 04/83576/HĐ ngày 21 tháng 12 năm 2004.
- Đầu tư thực hiện dự án: Nâng cấp và mở rộng Quốc lộ 13 tỉnh Bình Dương (Dự án 2 từ Km 28+000 đến km 65+355 dài 37,584 km, phần khối lượng dở dang còn lại sau IPO) theo Hợp đồng thế chấp số 01/1728454/HĐTC ngày 20 tháng 4 năm 2009.

- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để bù đắp nguồn vốn đã huy động tạm thời khác để đầu tư xây dựng Dự án II "Nâng cấp và mở rộng Quốc lộ 13 - tỉnh Bình Dương từ Km28+000 đến Km65+355 dài 37,584 km từ Đài vệ tinh Tân Định, Bến Cát đến Cầu Tham Rốt giáp ranh tỉnh Bình Phước". Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông Dự án đầu tư BOT: "Nâng cấp và mở rộng Quốc lộ 13 - tỉnh Bình Dương từ Km28+000 đến Km65+355 dài 37,584 km từ Đài vệ tinh Tân Định, Bến Cát đến Cầu Tham Rốt giáp ranh tỉnh Bình Phước" (Dự án II) theo Hợp đồng thế chấp số 0274/10/BD ngày 15 tháng 4 năm 2010.
- (c) Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần dầu khí Toàn Cầu để huy động vốn triển khai các dự án đầu tư: Dự án Becamex City Center; Dự án Khu biệt thự Sunflower; Dự án Khu dân cư Green River; Dự án cao cấp IJC Aroma.
- Ngày phát hành : ngày 06 tháng 01 năm 2010.
 - Ngày đáo hạn : ngày 06 tháng 01 năm 2015.
 - Kỳ thanh toán lãi : 6 tháng/lần.
 - Lãi suất : kỳ tính lãi đầu tiên: 14,5%/năm; các kỳ tiếp theo: lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của 1 trong 4 ngân hàng sau: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 3%/năm.
 - Hình thức đảm bảo : khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp TNHH một thành viên bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, toàn bộ tài sản/quyền lợi hình thành có được từ dự án trên đất tại xã Đình Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, thửa đất số 282.175 (O3-2), diện tích 102.733,9 m².

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	117.048.101.374	57.448.275.864	59.599.825.510	-
Trái phiếu có bảo đảm	500.000.000.000	-	500.000.000.000	-
Cộng	617.048.101.374	57.448.275.864	559.599.825.510	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	117.048.101.374	-	(57.448.275.864)	59.599.825.510
Trái phiếu	500.000.000.000	-	-	500.000.000.000
Cộng	617.048.101.374	-	(57.448.275.864)	559.599.825.510

25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	132.990.387	74.530.912
Số trích lập bổ sung	50.410.169	127.282.442
Số chi trong năm	(2.155.333)	(68.822.967)
Số cuối năm	180.909.423	132.990.387

26. Doanh thu chưa thực hiện

Khoản tiền đã thu của khách hàng theo tiến độ góp vốn xây dựng nhà ở tại các dự án mà Công ty đang đầu tư.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khu phố thương mại IJC2 - Mỹ Phước 3	25.090.909.095	21.374.545.455
Khu biệt thự The Green River	-	16.398.967.294
Khu chung cư cao cấp IJ Aroma	60.172.520.674	24.604.366.597
Cộng	<u>85.263.429.769</u>	<u>62.377.879.346</u>

27. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	548.389.050.000	-	5.126.942.988	9.955.286.074	105.895.450.558	669.366.729.620
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	212.146.202.267	212.146.202.267
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	4.881.778.387	9.763.556.774	(17.574.402.193)	(2.929.067.032)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(82.258.357.500)	(82.258.357.500)
Số dư cuối năm trước	<u>548.389.050.000</u>	<u>-</u>	<u>10.008.721.375</u>	<u>19.718.842.848</u>	<u>218.208.893.132</u>	<u>796.325.507.355</u>
Số dư đầu năm nay	548.389.050.000	-	10.008.721.375	19.718.842.848	218.208.893.132	796.325.507.355
Phát hành cổ phiếu	2.193.556.200.000	10.420.226.000	-	-	-	2.203.976.426.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	317.828.981.551	317.828.981.551
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	10.607.310.113	21.214.620.227	(42.929.240.453)	(11.107.310.113)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(164.516.715.000)	(164.516.715.000)
Số dư cuối năm	<u>2.741.945.250.000</u>	<u>10.420.226.000</u>	<u>20.616.031.488</u>	<u>40.933.463.075</u>	<u>328.591.919.230</u>	<u>3.142.506.889.793</u>

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức năm trước	164.266.565.475	81.972.556.500
Tạm ứng cổ tức	-	-
Cộng	<u>164.266.565.475</u>	<u>81.972.556.500</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	274.194.525	54.838.905
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	274.194.525	54.838.905
- Cổ phiếu phổ thông	274.194.525	54.838.905
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	274.194.525	54.838.905
- Cổ phiếu phổ thông	274.194.525	54.838.905
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.320.624.657.651	351.726.272.004
- Doanh thu bán vé cầu đường	148.921.836.090	142.151.335.916
- Doanh thu bán hàng hóa	905.874.651	-
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.163.334.641.990	209.574.936.088
- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	7.462.304.920	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	(1.226.727.365)
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	(1.226.727.365)
Doanh thu thuần	<u>1.320.624.657.651</u>	<u>350.499.544.639</u>
Trong đó:		
- Doanh thu bán vé cầu đường	148.921.836.090	142.151.335.916
- Doanh thu bán hàng hóa	905.874.651	-
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.163.334.641.990	208.348.208.723
- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	7.462.304.920	-

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn vé cầu đường	38.504.856.259	36.256.481.401
Giá vốn hàng hóa	891.751.714	-
Giá vốn kinh doanh bất động sản	773.699.609.694	80.396.384.061
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	4.115.111.819	-
Cộng	<u>817.211.329.486</u>	<u>116.652.865.462</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	16.436.671.327	4.589.369.946
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	550.573.221	672.637.392
Chiết khấu thanh toán	-	219.976.350.000
Lãi đầu tư cổ phiếu	600.016.210	-
Cộng	<u>17.587.260.758</u>	<u>225.238.357.338</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	26.627.798.747	145.370.616.499
Chiết khấu thanh toán	449.272.425	-
Cộng	<u>27.077.071.172</u>	<u>145.370.616.499</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	12.828.872.542	7.944.210.331
Chi phí nguyên vật liệu	4.751.550.712	3.756.950.853
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	700.515.483	616.014.131
Chi phí khấu hao tài sản cố định	964.310.343	743.107.142
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.442.408.584	1.342.065.543
Chi phí khác	51.503.399.075	17.911.423.689
Cộng	<u>74.191.056.739</u>	<u>32.313.771.689</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.014.675.664	6.001.113.476
Chi phí nguyên vật liệu	446.699.831	312.638.383
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	968.554.606	546.687.720
Chi phí khấu hao tài sản cố định	608.244.083	486.484.523
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.154.755.890	2.598.655.658
Chi phí khác	4.181.016.703	2.257.755.377
Cộng	<u>17.373.946.777</u>	<u>12.203.335.137</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	81.459.091	-
Thu từ bồi thường	178.885.453	204.620.364
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	119.306.000	65.000.000
Thu nhập từ chuyển nhượng hợp đồng	181.827.864	-
Thu nhập khác	177.235.325	48.217.490
Cộng	<u>738.713.733</u>	<u>317.837.854</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	48.089.784	-
Chi phí vật tư sửa chữa các trụ đèn chiếu sáng bị hư hỏng	72.807.590	134.877.935
Chi phí nộp phạt do vi phạm hành chính	-	19.698.220
Chi phí khác	554.879	12.851.929
Cộng	<u>121.452.253</u>	<u>167.428.084</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	317.828.981.551	212.146.202.267
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	317.828.981.551	212.146.202.267
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	230.323.401	54.838.905
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.380</u>	<u>3.869</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	54.838.905	54.838.905
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2011	175.484.496	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>230.323.401</u>	<u>54.838.905</u>

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.395.498.538	7.827.333.598
Chi phí nhân công	26.125.141.682	16.804.052.924
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.164.724.333	26.548.728.823
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.820.855.583	9.088.104.431
Chi phí khác	59.366.848.399	20.505.368.451
Cộng	<u>144.873.068.535</u>	<u>80.773.588.227</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**Các giao dịch không bằng tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	45.949.087.374	38.337.000
Trả trước cho người bán liên quan đến việc đầu tư mua sắm tài sản cố định	1.353.771.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VIII.6 đến VIII.10 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	865.942.953	528.152.000
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	9.554.884	19.074.400
Tiền thưởng	396.970.600	299.572.000
Cộng	<u>1.272.468.437</u>	<u>846.798.400</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp TNHH một thành viên	Công ty mẹ
Công ty cổ phần bê tông Becamex	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần SetiaBecamex	Công ty trong cùng Tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp TNHH một thành viên		
Cung cấp dịch vụ tiếp thị và quảng cáo sản phẩm bất động sản	-	454.545.455
Bán vé cầu đường	-	818.182
Ứng tiền đền bù giải tỏa và đầu tư xây dựng Dự án Becamex City Center	25.798.731.011	163.549.541.755
Mua tài sản cố định	-	925.140.785
Chuyển nhượng căn hộ chung cư IJC Aroma theo HĐ 078/IJC-AROMA-A/2011	35.242.211.625	-
Mua 5 tầng văn phòng tòa nhà Becamex Center City	8.727.272.727	18.181.818.182
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp và dân cư Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương xây dựng dự án Khu biệt thự The Green River (lô 5B18-19, 5B22-23, 5B30-31)	-	56.475.256.368
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp và dân cư Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương xây dựng dự án Khu biệt thự The Green River (lô 5B34-46)		87.234.388.224
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Mỹ Phước xây dựng dự án Khu phố thương mại IJC (lô L55)		7.659.774.048
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu đô thị mới thuộc Khu liên hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị Bình Dương	-	1.071.563.176.511
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước xây dựng dự án Khu phố thương mại IJC theo hợp đồng 196/HĐKT	95.341.092.000	-
Chia cổ tức	123.387.468.000	61.693.734.000
Công ty cổ phần bê tông Becamex		
Mua vật liệu xây dựng	213.495.665	78.966.272
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex		
Mua vật liệu xây dựng	850.553.195	645.904.225
Công ty cổ phần phát triển đô thị		
Bán vé cầu đường	65.454.545	152.999.996
Mua vật liệu xây dựng	2.730.002.727	610.947.271
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex		
Mua vật liệu xây dựng	-	112.272.730
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương		
Mua vật liệu xây dựng	-	1.238.534.704

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nhận chuyển nhượng bất động sản-Dự án City Garden	12.933.825.120	
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản		
Nhận tiền thiết kế và thi công xây dựng Khu phố Phú An	1.312.750.000	210.000.000
Công ty cổ phần SetiaBecamex		
Bán vé cầu đường	124.818.182	62.181.818
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp TNHH một thành viên		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ tiếp thị và quảng cáo sản phẩm bất động sản	-	500.000.000
Phải thu tiền bán vé cầu đường	-	900.000
Phải thu tiền mua căn hộ chung cư IJC Aroma theo HĐ 078/IJC-AROMA-A/2011	21.644.226.000	-
Phải thu từ ứng trước tiền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước xây dựng dự án Khu phố Thương mại IJC2	24.011.097.000	24.011.097.000
Phải thu từ ứng trước tiền đền bù giải tỏa và đầu tư xây dựng Dự án Becamex City Center	391.585.170.857	365.786.439.846
Phải thu từ thanh toán đợt 1 tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu đô thị mới thuộc Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương	-	1.021.581.500.000
Công ty cổ phần phát triển đô thị		
Tiền bán vé cầu đường phải thu	18.000.000	20.700.000
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản		
Phải thu từ thiết kế và thi công xây dựng Khu phố Phú An	4.162.500.000	5.475.250.000
Công ty cổ phần SetiaBecamex		
Tiền bán vé cầu đường phải thu	-	9.000.000
Cộng nợ phải thu	<u>441.420.993.857</u>	<u>1.417.384.886.846</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp TNHH một thành viên		
Phải trả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp và dân cư Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương xây dựng dự án Khu biệt thự The Green River (lô 5B18-19, 5B22-23, 5B30-31)	9.691.092.600	15.279.732.600

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền quyết toán khối lượng thi công hệ thống thoát nước QL13-HĐ 413/2007QL13	45.040.872.374	
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương		
Phải trả tiền nhận chuyển nhượng bất động sản- Dự án City Garden	3.444.975.000	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Becamex		
Mua nguyên vật liệu	14.979.800	
Cộng nợ phải trả	<u>58.191.919.774</u>	<u>15.279.732.600</u>
3. Chi phí lãi vay vốn hoá		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay vốn hoá	90.385.685.189	23.306.975.882
Tổng chi phí lãi vay	<u>117.013.483.936</u>	<u>168.677.592.381</u>
Tỷ lệ vốn hóa	77 %	14 %

4. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý của Công ty. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Công ty.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả bao gồm các khoản có liên quan trực tiếp đến bộ phận và các khoản có thể phân bổ được trên một cơ sở hợp lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Hoạt động bán vé cầu đường.
- Hoạt động kinh doanh bất động sản.
- Hoạt động kinh doanh kinh doanh bất động sản đầu tư.
- Hoạt động khác.

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh trong năm của Công ty được thể hiện ở Phụ lục 1.

Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là hoạt động tại địa bàn tỉnh Bình Dương. Khi trình bày thông tin về các khu vực địa lý, doanh thu khu vực dựa trên vị trí địa lý của khách hàng và các tài sản của khu vực dựa trên vị trí địa lý của tài sản.

5. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	2.913.696.360	2.243.989.170
Trên 1 năm đến 5 năm	4.274.304.840	3.152.341.500
Cộng	<u>7.188.001.200</u>	<u>5.396.330.670</u>

Công ty thuê mặt bằng kinh doanh dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ 2 năm đến 6 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê hàng năm được quy định trong hợp đồng.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	101.668.510.456	364.466.899.701	101.668.510.456	364.466.899.701
Phải thu khách hàng	762.606.809.538	68.868.323.516	762.606.809.538	68.868.323.516
Các khoản phải thu khác	537.679.838.375	400.977.900.557	537.679.838.375	400.977.900.557
Cộng	1.401.955.158.369	834.313.123.774	1.401.955.158.369	834.313.123.774
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	84.742.716.598	26.684.710.855	84.742.716.598	26.684.710.855
Vay và nợ	677.389.363.668	2.894.856.919.720	677.389.363.668	2.894.856.919.720
Các khoản phải trả khác	324.868.740.935	147.541.855.222	324.868.740.935	147.541.855.222
Cộng	1.087.000.821.201	3.069.083.485.797	1.087.000.821.201	3.069.083.485.797

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

7. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.9). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách
Số cuối năm	
Tài sản cố định	601.112.538.874

Số đầu năm

Tài sản cố định	570.778.174.224
-----------------	-----------------

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

8. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

9. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	84.742.716.598	-	-	84.742.716.598
Vay và nợ	117.789.538.158	559.599.825.510	-	677.389.363.668
Các khoản phải trả khác	322.005.959.437	2.862.781.498	-	324.868.740.935
Cộng	524.538.214.193	562.462.607.008	-	1.087.000.821.201

Số đầu năm

Phải trả cho người bán	26.684.710.855	-	-	26.684.710.855
Vay và nợ	2.277.808.818.346	617.048.101.374	-	2.894.856.919.720
Các khoản phải trả khác	147.408.864.835	132.990.387	-	147.541.855.222
Cộng	2.451.902.394.036	617.181.091.761	-	3.069.083.485.797

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

10. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi như sau:

	Thay đổi lãi suất (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Năm nay	+ 3	-13.598.760.683
	- 3	13.598.760.683
Năm trước	+ 3	-57.034.280.694
	- 3	57.034.280.694

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái

Bình Dương, ngày 10 tháng 02 năm 2012


 Bùi Thị Thùy
 Người lập biểu


 Trịnh Thanh Hùng
 Kế toán trưởng


 Đỗ Quang Ngôn
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Tầng 5 Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 1: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

Năm nay	Hoạt động bán vé cầu đường	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	148,921,836,090	1,163,334,641,990	7,462,304,920	905,874,651	-	1,320,624,657,651
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	148,921,836,090	1,163,334,641,990	7,462,304,920	905,874,651	-	1,320,624,657,651
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	97,396,872,924	328,464,082,464	3,347,193,101	14,122,937	-	429,222,271,426
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(17,373,946,777)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						411,848,324,649
Doanh thu hoạt động tài chính						17,587,260,758
Chi phí tài chính						(27,077,071,172)
Thu nhập khác						738,713,733
Chi phí khác						(121,452,253)
hành						(83,127,547,575)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nghiệp						(2,019,246,589)
						317,828,981,551
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	60,685,412,239	8,837,350,623	9,037,772,238	4,506,063	-	78,565,041,163
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	31,466,139,026	2,560,342,455	40,072,784	1,198,762	-	34,067,753,027

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

	-	-	-	-
--	---	---	---	---

Năm trước

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận

Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Hoạt động bán vé cầu đường	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
	142,151,335,916	208,348,208,723	-	-	-	350,499,544,639
	142,151,335,916	208,348,208,723	-	-	-	350,499,544,639

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

nghiệp

	93,639,438,855	107,893,468,633	-	-	-	201,532,907,488
	-	-	-	-	-	(12,203,335,137)
	-	-	-	-	-	189,329,572,351
	-	-	-	-	-	225,238,357,338
	-	-	-	-	-	(145,370,616,499)
	-	-	-	-	-	317,837,854
	-	-	-	-	-	(167,428,084)
	-	-	-	-	-	(59,217,193,857)
	-	-	-	-	-	2,015,673,164
	-	-	-	-	-	212,146,202,267

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

8,614,420,812 1,134,459,988 18,181,818,182 - 27,930,698,982

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

29,998,201,014 1,268,932,909 - - 31,267,133,923

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

- - - - -


Bùi Thị Thùy
Người lập biểu


Trịnh Thanh Hùng
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 10 tháng 02 năm 2012


Đỗ Quang Ngón
Tổng Giám đốc

5. Ý KIẾN CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY:

Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện kiểm tra báo cáo tài chính trên các phương diện về tính tuân thủ, tính chính xác trung thực và hợp lý của số liệu phản ánh trong báo cáo tài chính. Dựa trên cơ sở báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C. Ban kiểm soát thống nhất số liệu báo cáo về tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 cũng như báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ Phần Phát triển hạ tầng kỹ thuật. Các báo cáo trên đã phản ánh chính xác trung thực về tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tình hình tài chính của công ty trong năm 2011, đồng thời tuân thủ các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

6. CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN QUAN

Tính đến ngày 20/03/2012, Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH 1 Thành viên (Becamex IDC Corp) đang sở hữu 78,8% vốn cổ phần tại Công ty Cổ Phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật, ngành nghề kinh doanh của Becamex IDC Corp gồm các lĩnh vực sau:

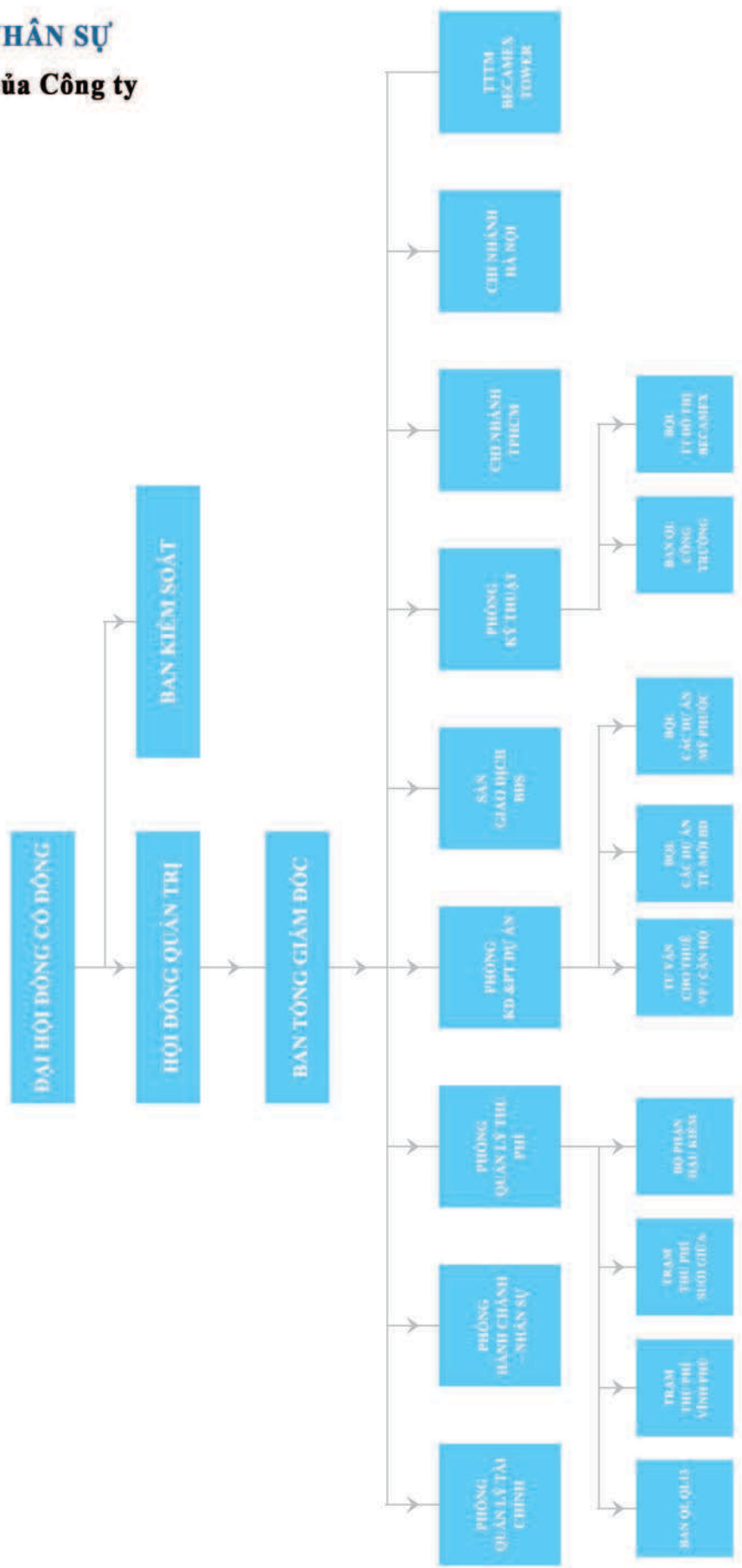
Đầu tư cơ sở hạ tầng Kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị, nhà ở công nhân. Thực hiện kinh doanh các dự án đầu tư xây dựng theo phương thức BOT. Khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn; Thực hiện các dịch vụ tiếp thị, nghiên cứu thị trường và tư vấn đầu tư; Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước... và các ngành nghề khác theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp



7. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

a. Cơ cấu tổ chức của Công ty

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ





b. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Tổng số lao động tính đến thời điểm 31/12/2011 là 394 người.

Công ty thực hiện các chính sách lương và trích nộp các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn ... cho người lao động theo đúng hợp đồng lao động đã ký kết và quy định của Luật Lao động nên CBNV an tâm công tác.

Chính sách thưởng nhằm động viên, khuyến khích cán bộ nhân viên nỗ lực cống hiến và phấn đấu hết mình để xây dựng công ty ngày càng phát triển. Những tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc đều được khen thưởng xứng đáng, kịp thời.

Đào tạo và phát triển nhân viên là một trong các công tác ưu tiên của Công ty. Chính sách đào tạo của Công ty có mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên thành thạo về nghiệp vụ, có đạo đức trong kinh doanh, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và nhiệt tình phục vụ khách hàng. Kế hoạch nhân sự năm 2012: Nhằm mở rộng kế hoạch kinh doanh công ty sẽ tuyển dụng thêm 47 nhân viên, trong đó trạm thu phí là 34 nhân viên và 13 nhân viên cho các bộ phận còn lại.

Công tác thi đua:

Tổ chức cho cán bộ nhân viên tập luyện tham gia thi đấu bóng đá giao hữu, tham gia chương trình văn nghệ mừng xuân năm 2012 với các đơn vị là đối tác, nhà thầu trong và ngoài Công ty.

Tham gia các phong trào như: Nếp sống văn minh, nuôi con khỏe dạy con ngoan, phong trào phụ nữ giỏi việc nước đảm việc nhà.

c. Những thông tin liên quan về tổ chức và nhân sự chủ chốt của Công ty **Tóm tắt lý lịch của Ban điều hành, Kế toán trưởng:**

Ông Đỗ Quang Ngôn

Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1967

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 1989 – 1991: Nhân viên Công ty Thương mại Tổng hợp
- 1992 – 1994: Phó Giám đốc Chi nhánh Lạng Sơn
- 1995 – 1998: Kế toán trưởng trạm Móng Cái
- 1999 – 2001: Trưởng Bộ phận Quản lý thu phí QL.13
- 2002 – 2004: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bông đá Bình Dương
- 2005 – 2007: Giám đốc nhà máy sản xuất Betong thép
- 2007 đến nay: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật

Ông Lê Văn Hậu
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1957

Trình độ: Cao đẳng kinh tế

Quá trình công tác:

- Trước năm 1998: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty cao su tỉnh Sông Bé
- Từ 1999: Trợ lý kế hoạch - Phó Giám đốc nhà máy cao su Công ty Becamex
- Từ năm 2002: Phụ trách dự án Bê tông – Becamex Corp
- Từ 2007 – đến nay: Giám đốc dự án Becamex City Center
Phó Tổng Giám đốc Becamex IJC

Ông Trần Văn Hùng
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1951

Trình độ: Quản lý xây dựng

Quá trình công tác:

- Từ 1996 – 2003: Phó Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng; Trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật Công ty Becamec B
- 11/2003 – 03/2011: Ban Quản lý Khu Liên hợp Công nghiệp Dịch vụ Đô thị Bình Dương trực thuộc Tổng

Ông Trịnh Thanh Hùng
Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Năm sinh: 1965

Trình độ: Kỹ sư kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 1998-1992: Kế toán viên- Công ty chăn nuôi VIFACO Bình Dương
- Từ 1993-1996: Phó phòng kế toán - Công ty chăn nuôi VIFACO Bình Dương
- Từ 1997-2007: Kế toán trưởng - Công ty chăn nuôi VIFACO Bình Dương
- Từ 2007- đến nay: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật

Thông tin về quyền lợi của Ban điều hành:

	<i>ĐVT: đồng</i>
Tiền lương	865.942.953
Bảo hiểm	9.554.884
Tiền thưởng	396.970.600
Cộng	1.272.468.437

8. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

a. Thông tin liên quan đến HĐQT và Ban kiểm soát;

Giới thiệu Hội đồng quản trị

Ông QUẢNG VĂN VIẾT CƯỜNG

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1970

Trình độ: Cao đẳng

Quá trình công tác:

- 1998 – nay : Công tác tại Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – Becamex IDC

Chức vụ công tác hiện nay:

Giám đốc Phòng Đầu tư- Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – Becamex IDC

Chức vụ Công tác hiện nay tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị - Becamex UDJ
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Bê tông Becamex – Becamex ACC
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex

Ông NGUYỄN HOÀN VŨ

Phó Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1973

Trình độ: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

- 1996 – nay : Công tác tại Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – Becamex IDC

Chức vụ công tác hiện nay:

Trưởng phòng Sản xuất kinh doanh Công ty Đầu tư và Phát triển Công Nghiệp – Becamex IDC

Chức vụ Công tác hiện nay tại các tổ chức khác:

- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị - Becamex UDJ
- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SetiaBecamex
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Becamex Bình Phước.

Ông ĐỖ QUANG NGÔN

Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1967

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 1989 – 1991: Nhân viên Công ty Thương mại Tổng hợp
- 1992 – 1994: Phó Giám đốc Chi nhánh Lạng Sơn
- 1995 – 1998: Kế toán trưởng trạm Móng Cái
- 1999 – 2001: Trưởng Bộ phận Quản lý thu phí QL.13
- 2002 – 2004: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bóng đá Bình Dương
- 2005 – 2007: Giám đốc nhà máy sản xuất Bê tông thép

Bà NGUYỄN THỊ DUNG**Thành viên HĐQT**

Năm sinh: 1958

Trình độ : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 09/1998 ; Phó Giám đốc BIDV Bình Dương
- Từ 09/2006 – nay: Giám đốc BIDV Bình Dương

Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc BIDV Bình Dương

Ông LÊ ANH TUẤN**Thành viên HĐQT**

Sinh năm: 1980

Trình độ : Cử nhân Tài chính doanh nghiệp

Quá trình công tác:

- Từ 2003 – 2006: Kiểm toán nội bộ Công ty dầu thực vật Cái Lân
- Từ 2007 – nay: Chuyên viên phân tích Quỹ đầu tư Dragon Capital

Chức vụ công tác hiện nay : Chuyên viên cao cấp Phòng nghiên cứu Quỹ đầu tư Dragon Capital.

Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác:

- Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cơ điện lạnh REE

Giới thiệu Ban Kiểm soát**Bà DƯƠNG THỊ HỒNG TỰ****Trưởng Ban Kiểm Soát**

Sinh năm: 1955

Trình độ chuyên môn: Đại học hạch toán kế toán thương nghiệp

Quá trình công tác:

- Từ 1998 – nay : Công tác tại Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – Becamex IDC

Chức vụ công tác hiện nay:

Phó phòng Quản lý Tài Chính- Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp

Chức vụ Công tác hiện nay tại các tổ chức khác:

- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
- Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị (Becamex UDJ)
- Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Bình Dương
- Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước

Ông NGUYỄN VĂN THANH HUY**Thành viên BKS**

Năm sinh: 20/06/1967

Trình độ: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác :

- 1996- đến nay: Làm việc tại Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex IDC)

Chức vụ công tác hiện nay :

Trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật Công ty Đầu tư và Phát triển Công Nghiệp

Ông HUỖNH VĨNH THÀNH:

Thành viên BKS

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính

Quá trình công tác :

- Từ 1998 – 2000: nhân viên Công ty Becamex tại Hà Nội
- Từ 2000 – nay: nhân viên công ty chứng khoán Đệ Nhất

Chức vụ công tác hiện nay: Phó TGD Công ty chứng khoán Đệ Nhất

Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác:

- Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản;
- Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương;

Thù lao, tiền thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành Công ty năm 2011:

Hội đồng quản trị	704.300.000 đồng
Ban Kiểm soát	248.500.000 đồng
Ban điều hành	500.000.000 đồng

Thông tin về giao dịch cổ phiếu và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông nội bộ

Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu ban đầu	Giao dịch bán cổ phiếu	Số cổ phiếu nắm giữ còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
Đỗ Quang Ngôn	TGD	100.000	10.000	90.000	0,03%
Dương Thị Hồng Tỵ	Trưởng BKS	6.264	6.264	6.264	0,0023%

Thông tin về hợp đồng đã được ký kết với Công ty của Thành viên HĐQT:

STT	Tên hợp đồng	Diện tích	Trị giá(đồng)	Thời gian thực hiện	Đối tác
01	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lô K47, K48, K49 khu dân cư ấp 2, Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương	43.923 m ²	28.989.180.000	2007 - 2011	Becamex IDC
02	Hợp đồng hợp tác xây dựng và kinh doanh nhà lô L55, khu dân cư ấp 3A, Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương	12.670 m ²	8.362.200.000	2008 – 2011	Becamex IDC

03	Hợp đồng hợp tác xây dựng và kinh doanh nhà lô K33, K34 khu dân cư ấp 2, Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương	28.025 m ²	18.496.500.000	2008 - 2011	Becamex IDC
04	Hợp đồng hợp tác xây dựng và kinh doanh nhà khu dân cư ấp 5B, Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương	30.986 m ²	20.450.760.000	2008 - 2012	Becamex IDC
05	Hợp đồng hợp tác xây dựng và kinh doanh nhà khu dân cư ấp 5B, Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương	29.906 m ²	19.737.960.000	2008 - 2012	Becamex IDC
06	Hợp đồng hợp tác xây dựng và kinh doanh nhà khu dân cư ấp 5B, Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương	32.252 m ²	21.286.320.000	2008 - 2012	Becamex IDC
07	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lô N5, khu đô thị mới trong khu liên hợp Bình Dương	21.338 m ²	234.718.000.000	2009 - 2019	Becamex IDC
08	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lô N7, N8, khu đô thị mới trong khu liên hợp Bình Dương	73.465 m ²	808.115.000.000	2009 - 2019	Becamex IDC
09	Hợp đồng hợp tác xây dựng và kinh doanh nhà khu dân cư ấp 5B, Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương	117.538 m ²	117.258.570.000	2009 - 2012	Becamex IDC
10	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất Khu dân cư ấp 4- Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương	329.764 m ²	375.436.314.000	2010-2015	Becamex IDC
11	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất Khu dân cư Ấp 5B – Thới Hòa – Bến Cát – Bình Dương	161.276 m ²	159.663.240.000	2009 – 2015	Becamex IDC

b. Thông tin về hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2011 Hội đồng quản trị đã tổ chức 6 cuộc họp định kỳ và họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các nội dung sau:

- Thông qua quyết định hợp tác đầu tư dự án Khu phố Thương mại Prince Town tọa lạc tại Tp. mới Bình Dương, dự án có tổng diện tích 2,2ha với tổng vốn đầu tư là 484 tỷ đồng, thời gian thực hiện 2012-2014
- Thông qua việc bổ nhiệm Ông Quảng Văn Việt Cường – Phó Chủ tịch HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT thay cho Ông Trịnh Phước Hiệp – Chủ tịch HĐQT đã có đơn xin từ nhiệm kể từ ngày 29/06/2011
- Xây dựng, thực hiện rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của HĐQT, báo cáo kịp thời tình hình quản trị Công ty trước HĐQT
- Tổ chức thực hiện xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc điều chỉnh giảm kế hoạch kinh doanh năm 2011 khi HĐQT nhận định rằng thị trường bất động sản đang gặp nhiều khó khăn như: lãi suất tăng cao, hạn mức tín dụng thu hẹp, đầu ra sản phẩm giảm
- Phê duyệt kế hoạch hoạt động và kế hoạch ngân sách cho năm tài chính 2012
- Tư vấn cho Ban điều hành về các vấn đề trọng yếu ảnh hưởng đến Công ty

Thực hiện công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo đúng quy định

Kiểm tra giám sát hoạt động của Tổng giám đốc điều hành cùng các cán bộ quản lý đánh giá tình hình triển khai chiến lược hoạt động và các kế hoạch kinh doanh của Công ty

Thường xuyên tham gia các buổi tập huấn về Quản trị Công ty

Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2011 Ban kiểm soát tiến hành 2 phiên họp xây dựng nội dung và kế hoạch kiểm soát, tham gia các buổi họp HĐQT

Tiến hành kiểm tra giám sát các mặt hoạt động như sau:

Hoạt động của HĐQT:

Trong năm qua HĐQT đã hoàn thành tốt trách nhiệm của mình trên cương vị được giao cụ thể:

Triển khai thực hiện các nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2011, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị đã tiến hành 6 phiên họp với số lượng thành viên tham gia đầy đủ. Các thành viên đã thảo luận đóng góp xây dựng chiến lược kinh doanh của Công ty, xây dựng kế hoạch dài hạn và ngắn hạn phù hợp với mục tiêu trước mắt và lâu dài cụ thể như kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính, kế hoạch nhân sự, kế hoạch tiền lương.

Trong các phiên họp đã ban hành các nghị quyết đúng với chức năng và quyền hạn của HĐQT và có nội dung phù hợp với nghị quyết của Đại hội cổ đông cũng như các văn bản pháp luật quy định.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời Ban Tổng Giám đốc giải quyết những vấn đề khó khăn liên quan tới hoạt động kinh doanh; xem xét và phê duyệt việc miễn nhiệm và bổ nhiệm cán bộ quản lý; chỉ đạo thực hiện thành công việc tăng vốn điều lệ của Công ty theo sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông từ 548,389 tỷ đồng lên 2.741 tỷ đồng; giám sát chặt chẽ việc tổ chức điều hành hoạt động của Ban Tổng Giám đốc; giám sát việc công bố thông tin đảm bảo tính minh bạch.

Hội đồng quản trị đã đánh giá việc điều hành hoạt động của Ban Tổng giám đốc, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2011, xây dựng chỉ tiêu kế hoạch năm 2012, xây dựng phương án phân phối lợi nhuận, xây dựng kế hoạch đại hội cổ đông năm 2011

Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Hội đồng quản trị.

Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

Ban Tổng giám đốc công ty đã triển khai thực hiện tốt các nghị quyết của đại hội cổ đông và của Hội đồng quản trị cụ thể là:

Ban Tổng giám đốc xây dựng các giải pháp tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được thông qua trong đại hội cổ đông năm 2011.

Tăng cường giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý ở các khâu công việc.

Triển khai thi công các dự án, triển khai bán các sản phẩm; tổ chức thành lập sàn giao dịch bất động sản tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội nhằm tạo dựng thương hiệu, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm và dịch vụ nhằm mở rộng đối tượng khách hàng và thị phần. Khai trương hoạt động của Trung tâm thương mại tại các tầng đế cao ốc văn phòng Becamex tower.

Thường xuyên củng cố công tác tổ chức, sắp xếp nhân sự hợp lý, chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ nhân viên nhằm tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty.

Triển khai thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty phù hợp với giấy phép kinh doanh và đúng pháp luật.

Thực hiện phát hành thành công cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 548,389 tỷ đồng lên 2.741 tỷ đồng và đưa số lượng cổ phiếu phát hành thêm vào giao dịch kể từ ngày 06/05/2011

Tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh đạt kết quả như sau:

Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2011

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2011 (1)	Thực hiện 2011 (2)	% so sánh	
			(1)/(2)	2011/2010
Tổng Doanh thu	1.531.000	1.338.951	87,45	375,46
Lợi nhuận kế toán trước thuế	397.000	402.975	101.50	149,46
Lợi nhuận sau thuế	310.000	317.829	102.52	149,82
Lãi cơ bản /CP	1.345	1.380	102,6	35,66
Lãi cổ tức		10%		

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc

Trong năm qua được sự phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc cũng như các phòng ban công ty tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin tài liệu và các nghị quyết cũng như báo cáo một cách kịp thời. Các cuộc họp Hội đồng quản trị Ban kiểm soát đều được mời tham dự đầy đủ. Các ý kiến đóng góp và kiến nghị của Ban kiểm soát đều được ghi nhận và thực hiện.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc đã có chứng chỉ về quản trị Công ty:

Hội đồng quản trị	4 thành viên
Ban kiểm soát	3 thành viên
Ban Tổng giám đốc	1 thành viên

c. Các dữ liệu thống kê về cổ đông:

Cơ cấu cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 20/03/2011:

Cổ đông	Số lượng cổ đông			Số lượng cổ phiếu			Tỷ lệ		
	Cá nhân	Tổ chức	Cộng	Cá nhân	Tổ chức	Cộng	Cá nhân	Tổ chức	Cộng
Trong nước	3.831	30	3.861	24.796.638	224.749.805	249.546.443	9,04%	81,96%	91%
Nước ngoài	29	11	40	581.222	24.066.860	24.648.082	0,021%	0,88%	0,9%

Danh sách cổ đông góp vốn nhà nước (cổ đông lớn):

Tên cổ đông	Số ĐKSH	Ngày cấp	Ngành nghề hoạt động	Cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH 1 Thành viên –Becamex IDC Corp.	3700145020	03/06/2010	<ul style="list-style-type: none"> • Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp. • Đầu tư, kinh doanh các khu dân cư và khu đô thị, dịch vụ nhà ở công nhân. • Kinh doanh bất động sản. • Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông. • Thực hiện, kinh doanh các dự án đầu tư xây dựng theo phương thức BOT (xây dựng - kinh doanh - chuyển giao). • Khai thác đá và các loại khoáng sản khác. • Sản xuất và chế biến nguyên liệu cho ngành công nghiệp cao su, vật liệu xây dựng. • Kinh doanh thương mại, dịch vụ xuất nhập khẩu. • Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp trong và ngoài nước. • Hoạt động tài chính, ngân hàng và thị trường chứng khoán. • Hoạt động trong các lĩnh vực y tế, giáo dục. • Sản xuất và kinh doanh dược phẩm, mỹ phẩm và vật tư y tế. 	216.066.006	78,8%

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Hoạt động cộng đồng và xã hội:

Đóng góp 500 triệu đồng cho “ Quỹ vì người nghèo” tỉnh Bình Dương.

Tặng quà cho CBNV thuộc gia đình chính sách và cử đoàn viên tham gia thấp tri ân tại nghĩa trang liệt sĩ tỉnh nhân ngày 27/7.

Tổ chức giải bóng đá và chương trình văn nghệ mừng xuân 2012 cho các đơn vị đối tác và nhà thầu của Công ty.

Tổ chức tết trung thu cho thiếu nhi là con em cán bộ nhân viên Công ty và tặng 348 phần quà trị giá 94,3 triệu đồng.

Tổ chức cho CBNV đi tham quan tại Vũng Tàu và Đà Lạt với tổng chi phí trên 300 triệu đồng.

Tổ chức cho CBNV khám sức khỏe tại Bệnh viện Mỹ Phước với tổng chi phí 88,8 triệu đồng.



Các hoạt động đối ngoại với nhà đầu tư:

Trong năm qua, IJC đã tiếp đón nhiều tổ chức là các quỹ đầu tư và các tổ chức tín dụng đến tìm hiểu cơ hội đầu tư.

Website www.becamexijc.com là cổng thông tin chính cung cấp đầy đủ dữ liệu cần thiết cho các cổ đông cũng như các nhà đầu tư tiềm năng muốn tìm kiếm cơ hội hợp tác với IJC, chúng tôi luôn kịp thời cập nhật thông tin hữu ích như kết quả hoạt động kinh doanh cũng như thông tin quan trọng khác của công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC

A red circular stamp of PT. BECAMEX IJC is centered on the page. The stamp contains the text "CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VÀ TĂNG KỸ THUẬT" and "TỔNG GIÁM ĐỐC" around the perimeter. The registration number "S.S. K.K.D: 3700805566-C.T.C.P" is also visible. A blue ink signature is written over the stamp.

ĐỖ QUANG NGÔN

